

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST  
Ngày: 30 – 6 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín  
dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Nhân;
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở: số 198, đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Đoàn Nguyễn Huy Quan, chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Châu Đốc, đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 76/UQ-CD-HCNS ngày 10/12/2019).

**- Bị đơn:**

- + Ông Võ Văn R, sinh năm 1961;
- + Bà Lê Thị S, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 30/10/2018, giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Châu Đốc (sau đây gọi là ngân hàng) với ông Võ Văn R, bà Lê Thị S có ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 1079/2018/VCB.CĐ-HM. Theo đó, các bên thỏa thuận ngân hàng cho ông R, bà S vay số tiền 1.700.000.000 đồng; mục đích để sản xuất lúa và chăn nuôi bò; thời hạn vay 11 tháng; lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Với mỗi khoản nhận nợ, lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn vay của khoản nhận nợ đó; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Thời gian đầu ông R, bà S trả lãi đầy đủ cho Ngân hàng nhưng từ tháng 04/2019 thì nhiều lần chậm thanh toán lãi.

Ngày 01/8/2019 ông R, bà S đã trả cho ngân hàng 400.000.000 đồng tiền vốn nên giữa ngân hàng với ông R, bà S đã ký Hợp đồng cho vay sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 01/8/2019 giảm hạn mức vay từ 1.700.000.000 đồng xuống còn 1.300.000.000 đồng. Tiếp đó Ông Võ Văn R và Bà Lê Thị S có trả nợ gốc 8.000.000 đồng ngày 22/11/2019 và 746.914 đồng vào ngày 26/11/2019. Hiện tại dư nợ của ông R, bà S là 1.291.253.086 đồng.

Để bảo đảm khoản nợ, ông R, bà S đã thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 326/2016/VCB.CĐ ngày 05/7/2016; Hợp đồng thế chấp số 188/2016/VCB.CĐ ngày 12/4/2016 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 01 ngày 01/8/2019;

Tuy nhiên, từ ngày 27/10/2019 đến nay, ông R, bà S vẫn chưa thanh toán lãi theo thỏa thuận.

Ngân hàng yêu cầu ông R, bà S có nghĩa vụ thanh toán số tiền tổng cộng 1.317.280.991 đồng (trong đó, nợ gốc 1.291.253.086 đồng, lãi trong hạn 26.027.905 đồng tính từ ngày 26/9/2019 đến ngày 10/12/2019) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/12/2019 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng số 1079/2018/VCB.CĐ-HM ngày 30/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ

sung số 01 ngày 01/8/2019 đến khi thanh toán xong; yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 188/2016/VCB.CĐ ngày 12/4/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 01/8/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 326/2016/VCB.CĐ ngày 05/7/2016 để đảm bảo thi hành án.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn R và bà Lê Thị S cùng khai:

Thừa nhận có ký hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp và còn nợ số tiền vốn, lãi đúng như ngân hàng trình bày. Ông R, bà S nhận trách nhiệm trả nợ như yêu cầu của ngân hàng nhưng xin gia hạn đến ngày 15/8/2020 sẽ thanh toán đủ nợ. Nếu đến ngày 15/8/2020, không thanh toán đầy đủ số nợ như đã hứa thì đồng ý để cho ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 188/2016/VCB.CĐ ngày 12/4/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 01/8/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 326/2016/VCB.CĐ ngày 05/7/2016.

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03645 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 05/11/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03643 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 05/11/2012 hiện do ông R, bà S đang quản lý, sử dụng, không tranh chấp với ai.

Tại các phiên hòa giải, các bên thống nhất ông R và bà S còn nợ ngân hàng tiền vốn gốc 1.291.253.086 đồng; tiền lãi trong hạn 26.027.905 đồng, tính từ ngày 26/9/2019 đến ngày 10/12/2019. Ông R, bà S hẹn đến ngày 15/8/2020 sẽ thanh toán đủ, nếu không thanh toán đủ số nợ như đã hứa thì ông R, bà S sẽ tự bán tài sản thế chấp để trả nợ, không đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp.

Vào ngày 29/6/2020, bà S giao nộp cho Tòa án Tờ tường trình ngày 29/6/2020. Theo đó, bà S, ông R yêu cầu được miễn án phí do là người cao tuổi; đề nghị ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ 06 tháng; xin không tính lãi quá hạn.

Tại phiên tòa,

Ông R, bà S vắng mặt không có lý do.

Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng yêu cầu ông R, bà S trả vốn gốc 1.291.253.086 đồng; tiền lãi trong hạn 70.699.001 đồng tính từ ngày 26/9/2019 đến ngày 01/6/2020; tiền lãi quá hạn 36.102.298 đồng tính từ ngày 02/02/2020 đến ngày 30/6/2020. Không chấp nhận yêu cầu gia hạn thời hạn trả nợ 06 tháng và xin không tính lãi quá hạn của ông R, bà S. Yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48

và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tổng đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1079/2018/VCB.CĐ-HM ngày 30/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 01/8/2019. Theo đó, nguyên đơn giải ngân cho bị đơn số tiền 1.700.000.000 đồng, thời hạn 11 tháng/lần nhận nợ, lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ, mục đích vay để sản xuất lúa và chăn nuôi bò.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số nợ gốc 1.291.253.086 đồng, nợ lãi 106.801.299 đồng tính đến ngày 30/6/2020 và lãi phát sinh sau ngày 30/6/2020 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *[1] Về tố tụng:*

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn. Tại điểm 11.2 Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 1079/2018/VCB.CĐ-HM ngày 30/10/2018, các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam chi nhánh Châu Đốc có trụ sở. Thỏa thuận của nguyên đơn bị đơn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

[1.2] Ông R và bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông R, bà S.

#### *[2] Về nội dung:*

[2.1] Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông R, bà S được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Về vốn vay, lãi: Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 1079/2018/VCB.CĐ-HM ngày 30/10/2018, ngân hàng cho ông R, bà S vay số tiền 1.700.000.000 đồng; ngày 01/8/2019 ông R, bà S đã trả cho ngân hàng 400.000.000 đồng tiền vốn nên giữa ngân hàng với ông R, bà S đã ký Hợp đồng cho vay sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 01/8/2019 giảm hạn mức vay còn 1.300.000.000 đồng. Ngày 22/11/2019, ông R, bà S trả nợ gốc 8.000.000 đồng, ngày 26/11/2019 trả 746.914 đồng. Hiện tại dư nợ gốc là 1.291.253.086 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông R, bà S không đóng lãi tính từ ngày 26/9/2019 cho đến nay (vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi từ ngày 27/10/2019).

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông R, bà S đều thống nhất nợ vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Nên yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu được gia hạn thời hạn trả nợ và không tính lãi quá hạn của ông R, bà S là không đúng với thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, không được ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên, buộc ông R, bà S phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng vốn gốc 1.291.253.086 (một tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, không trăm tám mươi sáu) đồng; tiền lãi trong hạn 70.699.001 (bảy mươi triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, không trăm linh một) đồng tính từ ngày 26/9/2019 đến ngày 01/6/2020; tiền lãi quá hạn 36.102.298 (ba mươi sáu triệu, một trăm linh hai nghìn, hai trăm chín mươi tám) đồng tính từ ngày 02/02/2020 đến ngày 30/6/2020.

Kể từ ngày 01/7/2020, ông Võ Văn R và bà Lê Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 1079/2018/VCB.CĐ-HM ngày 30/10/2018 và Hợp đồng cho vay sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố, các bên có thỏa

thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về án phí, lệ phí:

Ông R sinh ngày 20/12/1961, bà S sinh năm 1962, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông R và bà S đều không phải là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi nên không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông R, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định đối với số tiền ông R, bà S phải thanh toán cho ngân hàng.

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;*

*Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Buộc ông Võ Văn R và bà Lê Thị S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:

- Vốn gốc 1.291.253.086 (một tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, không trăm tám mươi sáu) đồng;

- Tiền lãi trong hạn 70.699.001 (bảy mươi triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, không trăm linh một) đồng tính từ ngày 26/9/2019 đến ngày 01/6/2020;

- Tiền lãi quá hạn 36.102.298 (ba mươi sáu triệu, một trăm linh hai nghìn, hai trăm chín mươi tám) đồng tính từ ngày 02/02/2020 đến ngày 30/6/2020;

Tổng cộng: 1.398.054.385 (một tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 01/7/2020, ông Võ Văn R và bà Lê Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 1079/2018/VCB.CĐ-HM ngày 30/10/2018 và Hợp đồng cho vay sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Võ Văn R và bà Lê Thị S không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 326/2016/VCB.CĐ ngày 05/7/2016, Hợp đồng thế chấp số 188/2016/VCB.CĐ ngày 12/4/2016 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 01 ngày 01/8/2019 để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn R và bà Lê Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 53.941.500 (năm mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm) đồng.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 25.759.000 (hai mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003591 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Võ Văn R và bà Lê Thị S là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**Trần Văn Đức**